TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 8 - 2023
V/v Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Huỳnh Minh Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 284/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Không công nhận vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Bảo Y; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Nhà không số, hẻm t, đường V, khóm Y, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lê Trọng N; Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đỗ Bảo Y trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Bà và ông Lê Trọng N tự nguyện chung sống vào năm 2013, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm ông N có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng đã sống ly thân cách nay khoảng 01 năm. Nhận thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- Con chung: Bà và ông N có 01 người con chung tên Lê Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2014, hiện đang sống cùng ông N. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao con chung cho ông N nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Kh 1.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Trọng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

Bị đơn ông Lê Trọng N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về hôn nhân: Bà Y yêu cầu ly hôn với ông N, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Y và ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Y và ông N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Y và ông N có 01 người con chung tên Lê Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2014, hiện đang sống cùng ông N. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu giao con chung cho ông N nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Kh đang sống ổn định với ông N. Đồng thời tại Biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 19/5/2023 cháu Kh có nguyện vọng là được sống chung với cha, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Kh cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về N vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng này cũng đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con chung. Đối với ông N không có ý kiến, nên không xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Y có N vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kh 1.000.000 đồng/tháng là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Bà Y xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Y xác định không có, không ai yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Bảo Y và ông Lê Trọng N là vợ chồng.

Con chung: Giao Lê Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2014, hiện đang sống cùng ông N cho ông N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về N vụ cấp dưỡng: Buộc bà Đỗ Bảo Y có N vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quốc Kh 1.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày ông Lê Trọng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Bảo Y không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí: Bà Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000 đồng. Ngày 10/5/2023, bà Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0003346 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, bà Y tiếp tục nộp 300.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Bà Đỗ Bảo Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Trọng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Hân